

4 5 12  
**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI**

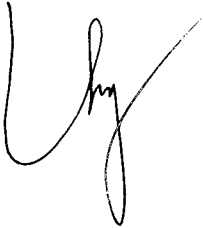
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1054 /UBND-TM

V/v: Đính chính nội dung văn bản  
của UBND tỉnh

Lào Cai, ngày 27 tháng 4 năm 2012

Sno gửi:  
- LĐ Sở?  
- Các phòng, T. tâm & Sở?




Kính gửi:

- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và ĐT,  
Giao thông vận tải, Xây dựng, Công thương,  
Nông nghiệp và PTNT;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

Ngày 12/4/2012, UBND tỉnh Lào Cai đã ban hành Quyết định số 777/QĐ-UBND, về việc ban hành giá cước vận chuyển hàng hóa bằng ô tô trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Nhưng do sơ xuất trong quá trình soạn thảo đã nhầm số liệu tại Phụ biểu số 01 kèm theo Quyết định nêu trên.

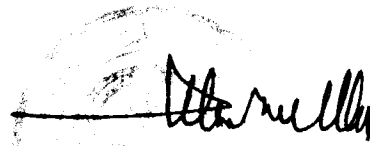
Để đính chính nội dung trên, UBND tỉnh gửi kèm theo Văn bản này Phụ biểu đúng của Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 12/4/2012 của UBND tỉnh. Đề nghị các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố cập nhật Phụ biểu mới thay thế cho phụ biểu cũ để thực hiện. Các nội dung khác của Quyết định vẫn giữ nguyên.

UBND tỉnh thông báo để các đơn vị biết, thực hiện. 

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu: VT, TH, TM.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Vịnh**

**PHỤ BIỂU SỐ 01****Biểu cước vận chuyển hàng hoá bằng ô tô**

(Kèm theo Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2012 của UBND tỉnh)

**I. Biểu cước hàng hoá bằng ô tô****1. Đơn giá cơ bản với hàng hoá bậc 1**

Hàng bậc 1 bao gồm: Đất, cát, sỏi, đá xay, gạch các loại:

Đơn vị tính: Đồng/ TấnKm

Loại đường Cự ly(km)	Đường Loại 1	Đường loại 2	Đường loại 3	Đường loại 4	Đường loại 5	Đường loại 6
1	10.067	11.980	17.609	25.533	33.193	39.831
2	5.572	6.632	9.748	14.135	18.375	22.050
3	4.008	4.771	7.012	10.167	13.217	15.861
4	3.281	3.904	5.738	8.322	10.818	12.981
5	2.877	3.423	5.032	7.295	9.482	11.380
6	2.599	3.093	4.545	6.593	8.572	10.287
7	2.396	2.851	4.192	6.077	7.901	9.481
8	2.238	2.663	3.915	5.677	7.379	8.856
9	2.109	2.510	3.689	5.348	6.952	8.343
10	2.002	2.384	3.503	5.080	6.604	7.924
11	1.911	2.273	3.343	4.846	6.300	7.560
12	1.827	2.174	3.195	4.633	6.022	7.227
13	1.741	2.071	3.044	4.413	5.737	6.885
14	1.661	1.977	2.904	4.214	5.477	6.573
15	1.587	1.890	2.777	4.027	5.235	6.282
16	1.521	1.810	2.660	3.858	5.015	6.018
17	1.474	1.755	2.577	3.740	4.860	5.833
18	1.437	1.710	2.513	3.644	4.737	5.684
19	1.395	1.660	2.439	3.538	4.599	5.519
20	1.348	1.606	2.358	3.419	4.444	5.333
21	1.294	1.541	2.263	3.282	4.268	5.121
22	1.243	1.480	2.177	3.155	4.102	4.922
23	1.199	1.428	2.098	3.041	3.954	4.745
24	1.159	1.380	2.028	2.941	3.822	4.588
25	1.122	1.336	1.963	2.846	3.700	4.440
26	1.085	1.293	1.900	2.754	3.580	4.297
27	1.050	1.250	1.838	2.662	3.462	4.152
28	1.013	1.207	1.775	2.573	3.343	4.013
29	979	1.167	1.713	2.484	3.230	3.876
30	949	1.128	1.661	2.407	3.129	3.755
31-35	921	1.095	1.610	2.335	3.035	3.643
36-40	895	1.065	1.566	2.270	2.952	3.541

41-45	875	1.042	1.532	2.220	2.886	3.463
46-50	858	1.021	1.500	2.175	2.828	3.393
51-55	841	1.001	1.472	2.134	2.774	3.328
56-60	827	984	1.448	2.098	2.728	3.273
61-70	814	969	1.423	2.065	2.685	3.222
71-80	803	956	1.406	2.039	2.650	3.181
81-90	795	946	1.389	2.016	2.619	3.144
91-100	788	936	1.377	1.997	2.596	3.116
Từ 101 trở lên	781	932	1.368	1.983	2.577	3.093

**2. Đơn giá cước cơ bản đối với hàng bậc 2:** Được tính bằng 1,10 lần cước hàng bậc 1. Hàng bậc 2 bao gồm: Ngói, lương thực đóng bao, đá các loại (trừ đá xay), gỗ cây, than các loại, các loại quặng, sơn các loại, tranh, tre, nứa, lá, bương, vầu, hóp, sành, sứ, các thành phẩm và bán thành phẩm bằng gỗ (cửa, tủ, bàn, ghế, chần, song...) các thành phẩm và bán thành phẩm kim loại (thanh, thỏi, dầm, tấm, lá, dây, cuộn, ống (trừ ống nước)...)

**3. Đơn giá cước vận tải đối với hàng bậc 3:** Được tính bằng 1,3 lần cước hàng bậc 1.

Hàng bậc 3 bao gồm: Lương thực rời, xi măng, vôi các loại, phân bón các loại, (trừ phân động vật), xăng, dầu, thuốc trừ sâu, trừ dịch, thuốc chống mối mọt, thuốc thú y, sách, báo, giấy viết, giống cây trồng, nông sản phẩm, các loại vật tư, máy móc, thiết bị chuyên ngành, nhựa đường, cột điện, ống nước, (bằng thép, bằng nhựa)

**4. Đơn giá cước vận tải hàng bậc 4:** Được tính bằng 1,4 lần cước hàng bậc 1.

Hàng bậc 4 bao gồm: Nhựa nhũ tương, muối các loại, thuốc chữa bệnh, phân động vật, bùn, các loại hàng dơ bẩn, kính các loại, hàng tinh vi, hàng thủy tinh, xăng dầu chứa bằng phi.

**5. Trường hợp vận chuyển hàng không có trong danh mục 4 bậc hàng nêu trên:** Thì chủ hàng và chủ phương tiện căn cứ vào đặc tính của mặt hàng tương đương để xếp vào bậc hàng thích hợp khi tính cước vận chuyển.

## **II. Các trường hợp được tăng (cộng thêm), giảm so với mức cước cơ bản:**

1. Cước vận tải hàng hoá bằng phương tiện vận tải có tải trọng từ 3 tấn trở xuống (trừ xe công nông và các loại xe tương tự) được cộng thêm 30% mức cước cơ bản.

2. Cước vận chuyển hàng hoá kết hợp chiều về : Một chủ hàng vừa có hàng đi vừa có hàng về trong vòng quay phương tiện được giảm 10% tiền cước của số hàng vận chuyển chiều về.

3. Cước vận chuyển bằng phương tiện có thiết bị xếp dỡ hàng:

a) Hàng hoá vận chuyển bằng phương tiện có thiết bị tự đổ (xe ben), phương tiện có thiết bị tự nâng hạ (xe reo) được cộng thêm 15% mức cước cơ bản;

b) Hàng hoá vận chuyển bằng phương tiện có thiết bị hút xả (xe Stéc) được cộng thêm 20% mức cước cơ bản;

4. Đối với hàng chứa trong Container: Bậc hàng tính cước là hàng bậc 3 cho tất cả các loại hàng chứa trong Container. Trọng lượng cước tính là trọng tải đăng ký của Container

5. Trường hợp vận chuyển hàng thiếu tải, cước vận chuyển được tính như sau:

a) Nếu hàng hoá vận chuyển chỉ xếp được dưới 50% trọng tải đăng ký của phương tiện thì trọng lượng tính cước bằng 80% tải trọng đăng ký của phương tiện.

b) Nếu hàng hoá vận chuyển chỉ xếp được 50% đến 90% trọng tải đăng ký của phương tiện thì trọng lượng tính cước bằng 90% tải trọng đăng ký của phương tiện;

c) Nếu hàng hoá vận chuyển xếp được trên 90% trọng tải đăng ký của phương tiện thì trọng lượng tính cước bằng trọng lượng hàng hoá thực chở;

6. Vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng phải được sử dụng phương tiện vận tải đặc chủng áp dụng biểu cước do Bộ Giao thông Vận tải quy định.